

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DẠY HỌC Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phan Thị Ngọc Tuyên^{1,2}

¹Trường Đại học Đồng Tháp

²Trường Trung học cơ sở Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Email: suoingoc59@gmail.com

(Ngày nhận bài: 14/10/2024, ngày nhận bài chỉnh sửa: 13/11/2024, ngày duyệt đăng: 11/12/2024)

TÓM TẮT

Bài báo làm rõ thực trạng quản lý hoạt động chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ việc sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, khảo sát 300 khách thể (55 hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, 95 tổ trưởng chuyên môn, 150 giáo viên) và phỏng vấn 25 cán bộ quản lý có kinh nghiệm quản lý trường học của 19 trường trung học cơ sở (công lập) tại địa phương, kết quả khảo sát được xử lý số liệu theo thang đo 4 mức độ để tính điểm trung bình, điểm trung bình chung và xếp thứ bậc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù đã có những hiệu quả nhất định, việc quản lý hoạt động chuyển đổi số trong dạy học vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là kỹ năng quản lý cần có chiến lược quản lý chuyển đổi số rõ ràng để huy động các bên liên quan. Kết quả nghiên cứu góp phần cho việc đánh giá và định hướng quản lý hoạt động chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở ở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục địa phương.

Từ khóa: Quản lý chuyển đổi số trường học, đánh giá chuyển đổi số trong dạy học

1. Đặt vấn đề

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) (2018) đã xác định mục tiêu “phát triển năng lực và phẩm chất người học (qua hoạt động học và vận dụng kiến thức vào thực tế), với phương pháp dạy học tích cực; chú trọng tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực tự học cho học sinh; thực hiện phương châm “Học qua làm” v.v.” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Như vậy, để phát triển năng lực và phẩm chất học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) trong thời đại công nghệ số phát triển với tốc độ nhanh, diễn ra mọi lúc, mọi nơi đang đặt ra cho các nhà quản lý nhiều vấn đề cần giải quyết, trong đó có quản lý hoạt động chuyển đổi số (CDS) trong dạy học.

Quản lý hoạt động CDS trong dạy học là một nhiệm vụ trong “Chương

trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”: “Với tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” (Chính phủ, 2020). Vì vậy, hệ thống giáo dục phải có những đổi mới, cải tiến để có thể phát triển và đáp ứng những mục tiêu mới, những yêu cầu mới của thời đại. Theo đó, CDS trong dạy học là xu thế tất yếu.

CDS trong dạy học là chuyển đổi phương pháp quản lý có ứng dụng của công nghệ số (như AI, IoT, Big Data...)

vào các hoạt động dạy học. CDS trong dạy học được áp dụng chủ yếu theo ba yêu cầu chính, đó là ứng dụng công nghệ làm cho (1) phương pháp dạy học, kiểm tra-đánh giá người dạy và người học tích cực hơn; (2) phương pháp quản lý vừa chặt chẽ, chính xác, kịp thời vừa thông thoáng, phát huy được năng lực sáng tạo của giáo viên (GV), gắn kết tập thể sư phạm; (3) mối liên hệ giữa gia đình, nhà trường và các cấp địa phương bền vững hơn. Về hình thức ứng dụng được nêu trên đều dựa vào mục đích và cơ cấu của tổ chức giáo dục: xây dựng và đẩy mạnh nền tảng dựa trên công nghệ số (số hóa thư viện tài liệu, sách vở, bài giảng); kết hợp hình thức dạy học trực tiếp và trực tuyến; triển khai dạy học theo hình thức từ xa; áp dụng công nghệ kiểm tra, theo dõi quá trình học tập của HS; tạo môi trường tốt nhất cho công tác học tập và giảng dạy.

Hiện nay, các trường THCS ở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đang tích cực triển khai thực hiện CDS trong mọi hoạt động của nhà trường theo chỉ đạo và hướng dẫn của các cấp. Đặc biệt, Thành phố Hồ Chí Minh đã phát động công tác thi đua xây dựng trường học số, thực hiện Công trình 50 trường học số tiêu biểu.

Tuy nhiên, các trường THCS cũng gặp không ít khó khăn khi thực hiện CDS, đặc biệt là trong hoạt động dạy học. Đó là cần nguồn lực GV có tư duy, kỹ năng số; nguồn lực tài chính đầu tư vào công nghệ khá tốn kém; quản lý cân bằng giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp. Vấn đề xây dựng kho học liệu số đã được triển khai còn nhiều bất cập. Một số GV có tâm lý ngại đổi mới; chưa có tinh thần tự giác, tích cực và sáng tạo trong việc CDS. HS còn thiếu phương

tiện, thiếu kỹ năng sử dụng công nghệ số. Một số phụ huynh chưa hiểu lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong việc học tập và hạn chế về kiến thức và kỹ năng sử dụng CNTT nên chưa quan tâm đầu tư phương tiện hay hỗ trợ tốt cho HS.

2. Tổng quan nghiên cứu, mục đích và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm gần đây, có nhiều công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến vấn đề CDS trong giáo dục nói chung và dạy học nói riêng. Neil Selwyn (2016) với công trình *Education and Technology: Key Issues and Debates* đã phân tích mối quan hệ giữa công nghệ và giáo dục, thảo luận về các thách thức, cơ hội và vấn đề đạo đức liên quan đến CDS trong giáo dục. Terry Anderson (2008) trong cuốn *The Theory and Practice of Online Learning* đã trình bày lý thuyết và thực tiễn của học trực tuyến, nhấn mạnh vai trò của CDS trong việc cải thiện chất lượng giáo dục và khả năng tiếp cận của HS. Trong cuốn sách *Catching Up or Leading the Way: American Education in the Age of Globalization*, Yong Zhao (2009) đã bàn về sự cần thiết đổi mới trong giáo dục để đáp ứng xu hướng toàn cầu hóa và CDS, chỉ ra các mô hình giáo dục sáng tạo và vai trò của công nghệ trong cải thiện kết quả học tập. Còn Punya Mishra và Matthew J. Koehler (2006) với bài báo “Technological Pedagogical Content Knowledge: A Framework for Teacher Knowledge” đã giới thiệu khung TPACK, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy và cách GV có thể sử dụng công nghệ để nâng cao trải nghiệm học tập.

Các công trình nghiên cứu này

không chỉ cung cấp lý thuyết và thực tiễn, chứng minh tác dụng tích cực của công nghệ để cải thiện chất lượng dạy học mà còn đưa ra những khuyến nghị thiết thực, giúp định hình tương lai của giáo dục trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh chóng. Chúng tạo ra nền tảng vững chắc cho các nhà giáo dục hoạch định chính sách trong việc xây dựng và thực hiện các chiến lược CDS hiệu quả.

Ở Việt Nam, cũng có một số công trình nghiên cứu về vấn đề CDS trong giáo dục và dạy học. Nguyễn Hữu Đạt (2020) với công trình *Chuyển đổi số trong giáo dục: Thực trạng và giải pháp* đã phân tích thực trạng chuyển đổi số trong giáo dục Việt Nam, đánh giá những thách thức và đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình này, từ việc nâng cao năng lực cho GV đến phát triển hạ tầng công nghệ. Đỗ Thị Thúy (2021) trong cuốn sách *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: Thực trạng và hướng phát triển* đã trình bày thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đồng thời đề xuất các hướng phát triển để nâng cao hiệu quả dạy và học trong bối cảnh CDS. Phạm Minh Tuấn (2022) trong công trình *Giáo dục trực tuyến trong bối cảnh chuyển đổi số: Thực tiễn và thách thức* đã đánh giá thực trạng giáo dục trực tuyến ở Việt Nam, chỉ ra những thách thức mà hệ thống giáo dục phải đối mặt trong quá trình CDS và đưa ra các khuyến nghị để cải thiện chất lượng giáo dục trực tuyến. Trần Thị Mai (2023) phân tích các xu hướng CDS trong giáo dục toàn cầu và đề xuất những giải pháp cụ thể cho Việt Nam, bao gồm việc đào tạo nguồn nhân lực và phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ trong cuốn *Chuyển đổi số trong giáo dục: Xu hướng và giải pháp cho*

Việt Nam.

Những công trình nghiên cứu này là nguồn tài liệu quý giá cho các nhà quản lý giáo dục, GV và nhà nghiên cứu; góp phần xây dựng một hệ thống giáo dục hiện đại, hiệu quả trong bối cảnh CDS. Sự đa dạng trong các khía cạnh nghiên cứu giúp làm rõ hơn về cách thức mà CDS có thể được thực hiện và quản lý trong giáo dục Việt Nam.

Tóm lại, qua khảo cứu tài liệu, tác giả nhận thấy chưa có công trình nào nghiên cứu quản lý hoạt động CDS trong dạy học trong bối cảnh các trường phổ thông đang thực hiện chương trình GDPT 2018 và đạt mục tiêu theo Quyết định số 749/QĐ-TTg. Do đó, tác giả chọn vấn đề nghiên cứu “Thực trạng quản lý hoạt động chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh”.

2.2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động CDS trong dạy học và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động CDS trong dạy học ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả nhận định về tình hình quản lý hoạt động CDS trong dạy học ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó đưa ra kết luận và đề xuất một số ý kiến về quản lý hoạt động CDS trong dạy học ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh góp phần đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài báo, tác giả sử dụng các phương pháp sau: (1) phân tích, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa các tài liệu lý luận có liên quan đến quản lý hoạt động CDS trong dạy học; (2) quan sát, điều tra, tọa đàm, chuyên gia; (3) phương

pháp thống kê toán học để tổng hợp, xử lý các số liệu thu thập được phục vụ cho các vấn đề cần giải quyết.

3. Cơ sở lý thuyết

Quản lý hoạt động dạy học chính là quá trình tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động dạy và học trong nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục. Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2015) cho rằng quản lý dạy học là “hoạt động của người quản lý giáo dục trong việc tổ chức, điều phối và kiểm tra các hoạt động dạy và học nhằm đạt được mục tiêu giáo dục” (tr. 82). Quản lý dạy học không chỉ bao gồm việc lập kế hoạch giảng dạy, sắp xếp thời gian biểu, mà còn liên quan đến việc đánh giá chất lượng dạy học, phát triển chương trình giáo dục và tạo điều kiện thuận lợi cho GV và HS.

Về CDS, theo cuốn *Cẩm nang chuyển đổi số*, CDS được định nghĩa là “quá trình chuyển đổi toàn diện về tư duy, quy trình, mô hình kinh doanh và cách thức phục vụ khách hàng bằng cách áp dụng công nghệ số” (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2022, tr. 10). Như vậy, CDS là quá trình áp dụng công nghệ số vào tất cả các lĩnh vực của đời sống và hoạt động của tổ chức, nhằm thay đổi cách thức hoạt động, tạo ra giá trị mới và nâng cao hiệu quả. Quá trình này không chỉ đơn thuần là việc sử dụng công nghệ mà còn liên quan đến việc thay đổi văn hóa tổ chức và cải tiến quy trình làm việc.

CDS trong dạy học được Nguyễn Thị Phú (2023) định nghĩa là “quá trình áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông để đổi mới phương pháp dạy học, phát triển nội dung giáo dục và cải tiến quản lý hoạt động giáo dục” (tr. 9). Quá trình này không chỉ giúp GV và HS tiếp cận với các công cụ học tập hiện đại mà còn tạo ra môi trường học tập linh hoạt,

tương tác và hỗ trợ việc cá nhân hóa trải nghiệm học tập.

Về quản lý CDS trong dạy học, Nguyễn Thị Phú (2023) cho rằng đó là “quá trình lãnh đạo và điều hành nhằm tích hợp công nghệ số vào các hoạt động giáo dục, đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả trong việc dạy và học” (tr. 8). Vì vậy, quản lý CDS trong dạy học chính là quá trình tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động ứng dụng công nghệ số trong giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Đây là một phần quan trọng của quá trình CDS trong giáo dục, nhằm tạo ra môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và phù hợp với nhu cầu của HS ở thời đại số hóa ngày nay.

Quản lý hoạt động CDS trong dạy học là quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và vận hành, cải tiến chất lượng dạy học có ứng dụng của công nghệ số của các chủ thể quản lý. Trong quá trình này, hiệu trưởng là chủ thể tạo ra môi trường làm việc chủ động, tích cực, hình thành năng lực số cho toàn trường, GV giúp HS dễ hiểu, dễ nhớ, dễ ứng dụng đạt mục tiêu giáo dục nhanh, bền vững.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Tổ chức khảo sát

Khách thể khảo sát: cán bộ quản lý (CBQL) (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng), tổ trưởng (TT) chuyên môn và GV ở các trường THCS công lập trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi đối tượng khảo sát có một trường (nhánh) riêng trong phiếu khảo sát online tích hợp tương ứng với nội dung, thông tin cần thu thập.

Về số lượng khảo sát: 100% CBQL (55 người), 50% tổ trưởng chuyên môn (95 người) và 12,5% GV (150 người) ở 19 trường THCS (công lập) huyện Bình

Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp khảo sát: Điều tra thu thập số liệu bằng các phiếu hỏi, phỏng vấn, quan sát, nghiên cứu sản phẩm hoạt động.

Cách thức xử lí số liệu: Xử lí số liệu bằng phương pháp thống kê toán học và phần mềm Microsoft Office Excel để tính điểm trung bình (ĐTB), xếp thứ hạng (TH). Trong đó, ĐTB được quy ước chia theo 4 mức độ (từ 1 đến 4) như sau: $1 < \text{ĐTB} < 1,75$: Không đạt; $1,76 < \text{ĐTB} < 2,5$: Đạt; $2,51 < \text{ĐTB} < 3,25$:

Khá; $3,26 < \text{ĐTB} < 4,0$: Tốt. TH xếp theo giá trị ĐTB từ cao đến thấp của các nội dung khảo sát, TH 1 là cao nhất. Hoặc khảo sát dưới dạng “có”, “không”, sau đó tính %.

4.2. *Thực trạng quản lí hoạt động chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*

4.2.1. *Thực trạng mục tiêu quản lí hoạt động chuyển đổi số trong dạy học*

Bảng 1: *Mục tiêu quản lí hoạt động chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			Có	Không
		CBQL	TT	GV		
1	Trường học có thiết lập các mục tiêu mang tính chiến lược để quản lí và thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong dạy học.	55	95	150	0%	100%
2	Trường có thiết lập mục tiêu chính là áp dụng công nghệ và chuyển đổi số để cải thiện chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.	55	95	150	100%	0%
3	Trường có thiết lập các mục tiêu cụ thể như: Đảm bảo mọi GV và HS có trang bị công nghệ; phát triển và triển khai các nền tảng và phần mềm giáo dục số; đào tạo và hỗ trợ GV; xây dựng các chương trình giảng dạy linh hoạt và phù hợp với môi trường số.	55	95	150	100%	0%
4	Các cấp quản lí giáo dục địa phương có hỗ trợ thực hiện các mục tiêu thông qua việc cung cấp nguồn lực, đào tạo và hướng dẫn chuyên môn.	55	95	150	88,3%	11,7%
5	Trường có thiết lập các cơ chế đánh giá và theo dõi để đảm bảo rằng các mục tiêu chuyển đổi số đạt được một cách hiệu quả và bền vững.	55	95	150	0%	100%

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy:
Các trường THCS ở huyện Bình Chánh có đặt ra mục tiêu chính là áp dụng công nghệ và CDS để cải thiện chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả giảng

dạy và học tập. Tập trung vào việc phát triển và nâng cao khả năng sử dụng công nghệ của GV và HS, cải thiện cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT của trường, và thúc đẩy sự đổi mới trong phương pháp

dạy học. Các trường cũng có thiết lập các mục tiêu cụ thể như: đảm bảo mọi GV và HS có trang bị công nghệ cá nhân phù hợp; phát triển và triển khai các nền tảng và phần mềm giáo dục số phù hợp với nhu cầu giảng dạy; đào tạo và hỗ trợ GV trong việc sử dụng công nghệ và áp dụng các phương pháp dạy học số; xây dựng các chương trình giảng dạy linh hoạt và phù hợp với môi trường số.

100% CBQL, TT và GV đều nhận định các trường chưa thiết lập được các mục tiêu mang tính chiến lược để quản lý và thúc đẩy hoạt động CDS trong dạy

học cũng như chưa thiết lập các cơ chế đánh giá và theo dõi để đảm bảo rằng các mục tiêu CDS đạt được một cách hiệu quả và bền vững. Ngoài ra, một số CBQL, TT và GV (11,7%) nhận định chưa nhận được hỗ trợ đầy đủ, tích cực trong việc thực hiện các mục tiêu từ các cấp quản lý giáo dục địa phương thông qua việc cung cấp nguồn lực, đào tạo và hướng dẫn chuyên môn.

4.2.2. *Thực trạng nội dung quản lý hoạt động chuyển đổi số trong dạy học*

Thứ nhất, về thực trạng lập kế hoạch:

Bảng 2: *Lập kế hoạch chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			Có	Không
		CBQL	TT	GV		
1	Các CBQL và nhà trường nhận thức được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch chuyển đổi số trong dạy học.	55	95	150	100%	0%
2	Các CBQL và nhà trường có định hướng rõ ràng, cụ thể về mục tiêu và kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trong từng giai đoạn.	55	95	150	72,4%	27,6%
3	Mỗi giai đoạn có các chỉ tiêu cụ thể và thời gian thực hiện để đảm bảo tính khả thi và đo lường được hiệu quả.	55	95	150	73,1%	26,9%
4	Có sự phân công rõ ràng các nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng cá nhân, đội ngũ hay phòng ban liên quan đến việc chuyển đổi số.	55	95	150	74,9%	25,1%
5	Kế hoạch có đề cập đến nguồn lực và tài chính cần thiết để triển khai các hoạt động chuyển đổi số.	55	95	150	60,1%	39,9%
6	Kế hoạch đào tạo và hỗ trợ cho cộng đồng GV và nhân viên trong nhà trường về việc sử dụng công nghệ được thiết kế linh hoạt và phù hợp với từng nhu cầu cụ thể của các đối tượng.	55	95	150	17,8%	82,2%
7	Kế hoạch có cơ chế đánh giá định kì để đo lường hiệu quả của các hoạt động chuyển đổi số.	55	95	150	100%	0%

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy: CBQL và nhà trường đã nhận thức được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch CDS trong dạy học. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch ở một số nhà trường chưa có định hướng rõ ràng về mục tiêu và kế hoạch thực hiện CDS trong từng giai đoạn. Mỗi giai đoạn cũng chưa có các chỉ tiêu cụ thể và thời gian thực hiện để đảm bảo tính khả thi và đo lường được hiệu quả. Việc phân công còn chưa rõ ràng các nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng cá nhân, đội ngũ hay đoàn thể liên quan đến việc CDS.

Các CBQL và nhà trường khi lập kế hoạch phần lớn chưa đề cập đến nguồn

lực và tài chính cần thiết để triển khai các hoạt động CDS. Về đào tạo và hỗ trợ cho cộng đồng GV và nhân viên của nhà trường về việc sử dụng công nghệ, phần lớn các trường chưa thiết kế linh hoạt và phù hợp với từng nhu cầu cụ thể của các đối tượng. 100% CBQL, TT và GV nhận định các kế hoạch chưa có cơ chế đánh giá định kì để đo lường hiệu quả của các hoạt động CDS. Hay nói cách khác là chưa quan tâm đến vấn đề dựa trên kết quả đánh giá để có các điều chỉnh và cải tiến để nâng cao hiệu quả và phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Thứ hai, về thực trạng tổ chức thực hiện:

Bảng 3: Tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			ĐTB chung	Thứ hạng
		CBQL	TT	GV		
1	Trường lập kế hoạch và triển khai chuyển đổi số trong dạy học chi tiết và rõ ràng.	3,60	3,56	3,23	3,46	1
2	Trường có cơ sở hạ tầng cần thiết và thiết bị công nghệ để triển khai các hoạt động chuyển đổi số.	2,47	2,48	2,32	2,42	4
3	Nhiều GV và nhân viên của trường có kĩ năng và kiến thức về công nghệ để sử dụng một cách hiệu quả trong giảng dạy và quản lí học tập.	2,83	2,86	2,83	2,84	2
4	GV thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển đổi số.	2,34	2,31	2,29	2,31	5
5	Trường thực hiện đánh giá hiệu quả và đổi mới các hoạt động chuyển đổi số.	2,25	2,22	2,17	2,21	6
6	Có sự phối hợp và hỗ trợ chặt chẽ giữa các cấp quản lí và giữa các đơn vị trong cùng một cấp quản lí khi tổ chức thực hiện chuyển đổi số.	2,50	2,51	2,34	2,45	3

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy: Nội dung được CBQL, TT và GV đánh giá kết quả thực hiện cao nhất là

“Trường lập kế hoạch và triển khai chuyển đổi số trong dạy học chi tiết và rõ ràng”, đạt điểm trung bình khảo sát là

3,46, xếp hạng nhất, đạt mức Tốt. Nội dung được CBQL, TT và GV đánh giá kết quả thực hiện thấp nhất là “Trường thực hiện đánh giá hiệu quả và đổi mới các hoạt động chuyển đổi số”, đạt điểm trung bình khảo sát là 2,21, xếp hạng 6, đạt mức Đạt.

Từ đó, tác giả nhận thấy các trường có lập kế hoạch và triển khai chuyển đổi số trong dạy học nhưng vẫn đang thiếu các cơ sở hạ tầng cần thiết và thiết bị công nghệ để triển khai các hoạt động CDS (chỉ được CBQL, TT và GV đánh giá ở mức độ Đạt). Bên cạnh đó, vẫn còn một số GV và nhân viên chưa có đủ kỹ năng và kiến thức về công nghệ để sử dụng một cách hiệu quả trong giảng dạy

và quản lý học tập. Ngoài ra, GV thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng CDS chỉ được CBQL, TT và GV đánh giá ở mức Đạt. Không những vậy, việc đánh giá hiệu quả và đổi mới các hoạt động CDS cũng còn hạn chế, dẫn đến việc không thể học hỏi kinh nghiệm và cải thiện liên tục trong quá trình triển khai. Việc thiếu sự phối hợp và hỗ trợ chặt chẽ giữa các cấp quản lý và giữa các đơn vị trong cùng một cấp quản lý là một thách thức lớn. Điều này gây khó khăn trong việc triển khai các chính sách, giải pháp và các hoạt động cụ thể liên quan đến CDS trong giáo dục.

Thứ ba, về thực trạng kiểm tra đánh giá:

Bảng 4: Kiểm tra đánh giá chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			Có	Không
		CBQL	TT	GV		
1	Trường có hệ thống đánh giá thống nhất và chuẩn mực để đo lường hiệu quả của các hoạt động chuyển đổi số trong dạy học.	55	95	150	00%	100%
2	Trường có các công cụ và phần mềm để hỗ trợ việc đánh giá chuyển đổi số trong dạy học.	55	95	150	100%	0%
3	Trường có sử dụng các phương pháp đánh giá để đo lường hiệu quả của hoạt động chuyển đổi số.	55	95	150	21,9%	78,1%
4	Trường có các chỉ số để đánh giá được chất lượng và hiệu quả của các hoạt động chuyển đổi số trong dạy học.	55	95	150	100%	0%
5	Trường có cơ chế để thu thập phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động chuyển đổi số và điều chỉnh hoạt động dựa trên phản hồi.	55	95	150	14,8%	85,2%
6	Hoạt động chuyển đổi số của trường được so sánh với các trường học khác để học hỏi và cải thiện.	55	95	150	31,6%	68,4%
7	Các CBQL và GV của trường có kỹ năng và nhận thức về việc đánh giá các hoạt động chuyển đổi số.	55	95	150	53,9%	46,1%

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			Có	Không
		CBQL	TT	GV		
8	Quá trình đánh giá chuyển đổi số trong dạy học có sự liên kết mạch lạc với việc điều chỉnh chiến lược và kế hoạch để cải thiện, điều chỉnh các hoạt động một cách hiệu quả.	55	95	150	59,0%	41,0%

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy: Các trường vẫn chưa có một hệ thống đánh giá thống nhất và chuẩn mực để đo lường hiệu quả của các hoạt động CDS trong dạy học. Điều này dẫn đến sự khác biệt trong cách thức đánh giá và đo lường hiệu quả giữa các trường học. Các trường cũng có các chỉ số để đánh giá chất lượng và hiệu quả của các hoạt động CDS trong dạy học. Nhưng qua trao đổi trực tiếp, tác giả nhận thấy vẫn còn thiếu các chỉ số đánh giá rõ ràng và phù hợp, bao gồm cả các chỉ số định lượng và chất lượng. Việc thiếu các chỉ số này làm cho quá trình đánh giá trở nên mơ hồ và khó xác định được sự tiến bộ.

Các trường hiện có các công cụ và phần mềm để hỗ trợ việc đánh giá CDS trong dạy học nhưng vẫn còn hạn chế và

chưa phát triển đầy đủ. Điều này gây khó khăn trong việc tổ chức, quản lí và thực hiện quá trình đánh giá một cách hiệu quả. Còn một số CBQL và GV thiếu kĩ năng và nhận thức về việc đánh giá các hoạt động CDS. Điều này làm cho quá trình đánh giá trở nên không hiệu quả và thiếu tính khách quan.

Quá trình đánh giá CDS trong dạy học cần phải có kênh thu thập các phản hồi, so sánh với các đơn vị khác và cần có sự liên kết mạch lạc với việc điều chỉnh chiến lược và kế hoạch để cải thiện, điều chỉnh các hoạt động một cách hiệu quả. Nhưng hiện nay, các trường vẫn còn thiếu những nội dung trên, có thể dẫn đến việc đánh giá không thực sự hữu ích trong việc cải thiện chất lượng giáo dục.

Thứ tư, về thực trạng vận hành và điều chỉnh:

Bảng 5: Vận hành và điều chỉnh hoạt động chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			DTB chung	Thứ hạng
		CBQL	TT	GV		
1	Các hoạt động chuyển đổi số trong dạy học có sự triển khai đồng nhất và phù hợp giữa các trường học, cũng như giữa các cấp quản lí giáo dục.	1,83	1,84	1,80	1,82	4
2	Trường học có các chiến lược và kế hoạch rõ ràng cho việc triển khai và vận hành các hoạt động chuyển đổi số.	2,09	1,96	1,86	1,97	2
3	Trường có sự đầu tư lớn vào hạ tầng công nghệ, mua sắm thiết bị và phần mềm, đào tạo nhân viên, và hỗ trợ kĩ thuật.	1,63	1,64	1,64	1,63	5

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			ĐTB chung	Thứ hạng
		CBQL	TT	GV		
4	GV và nhân viên của trường được đào tạo và nâng cao năng lực về công nghệ và phương pháp sử dụng công nghệ trong giảng dạy.	2,20	2,24	1,91	2,11	1
5	Trường quản lý và điều hành các hoạt động chuyển đổi số trong dạy học chặt chẽ, tổ chức và quản lý hiệu quả các tài nguyên và hoạt động.	2,00	1,95	1,77	1,91	3
6	Trường có các hệ thống đánh giá và cơ chế điều chỉnh liên tục.	1,58	1,61	1,63	1,61	6

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy:

Nội dung được CBQL, TT và GV đánh giá kết quả thực hiện cao nhất là “GV và nhân viên của trường được đào tạo và nâng cao năng lực về công nghệ và phương pháp sử dụng công nghệ trong giảng dạy”, đạt điểm trung bình khảo sát là 2,11, xếp hạng nhất và ở mức Đạt. Nội dung được CBQL, TT và GV đánh giá kết quả thực hiện thấp nhất là “Trường có các hệ thống đánh giá và cơ chế điều chỉnh liên tục”, đạt điểm trung bình khảo sát là 1,61, xếp hạng 6 và ở mức Chưa đạt. Ngoài ra, nội dung “Trường có sự đầu tư lớn vào hạ tầng công nghệ, mua sắm thiết bị và phần mềm, đào tạo nhân viên, và hỗ trợ kỹ thuật” cũng được CBQL, TT và GV đánh giá Chưa đạt với điểm trung bình khảo sát là 1,63, xếp hạng 5.

Từ đó, tác giả nhận thấy các hoạt động CDS trong dạy học thiếu sự đồng nhất và phù hợp giữa các trường học,

cũng như giữa các cấp quản lý giáo dục. Mỗi đơn vị có thể áp dụng các phương pháp, công nghệ khác nhau mà không có sự điều chỉnh hoặc hỗ trợ chặt chẽ từ cấp trên. Một số trường còn thiếu các chiến lược và kế hoạch rõ ràng cho việc triển khai và vận hành các hoạt động CDS.

Ngoài ra, tác giả nhận thấy nhiều trường học vẫn thiếu nguồn lực và đầu tư cần thiết để thực hiện các hoạt động CDS. Phần lớn GV và NV của trường được đào tạo và nâng cao năng lực về công nghệ và phương pháp sử dụng công nghệ trong giảng dạy. Nhưng qua thực tế trao đổi, tác giả nhận thấy kỹ năng và hiệu quả vận dụng chưa đồng đều ở các GV và NV. Nhiều trường vẫn đang gặp khó khăn trong việc quản lý hiệu quả các tài nguyên và hoạt động. Ngoài ra, việc thiếu các hệ thống đánh giá và cơ chế điều chỉnh liên tục cũng là một thực trạng đáng chú ý.

4.2.3. Thực trạng phương pháp quản lý hoạt động chuyển đổi số trong dạy học

Bảng 6: Phương pháp quản lý hoạt động chuyển đổi số trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			ĐTB chung	Thứ hạng
		CBQL	TT	GV		
1	Quản lý theo mục tiêu	2,00	1,95	1,83	1,92	7
2	Quản lý dự án	3,23	3,09	3,12	3,14	4

Stt	Nội dung	Kết quả đánh giá			ĐTB chung	Thứ hạng
		CBQL	TT	GV		
3	Quản lý thay đổi	2,16	2,08	1,92	2,05	6
4	Quản lý nhân sự và đào tạo	3,54	3,50	3,35	3,46	1
5	Quản lý thông tin và dữ liệu	3,52	3,13	3,26	3,30	3
6	Quản lý tài chính	3,61	3,46	3,29	3,45	2
7	Quản lý mối quan hệ	2,23	2,43	1,94	2,20	5

Kết quả khảo sát ở bảng 6 cho thấy:

Phương pháp quản lý được CBQL, TT và GV đánh giá hiệu quả cao nhất là “Quản lý nhân sự và đào tạo” đạt điểm trung bình khảo sát là 3,46, xếp hạng nhất và ở mức rất hiệu quả. Phương pháp quản lý được CBQL, TT và GV đánh giá kết quả thực hiện thấp nhất là “Quản lý theo mục tiêu” đạt điểm trung bình khảo sát là 1,92, xếp hạng 7 và ở mức ít hiệu quả. Ngoài ra phương pháp “Quản lý thay đổi” đã được CBQL, TT và GV đánh giá là ít hiệu quả với điểm trung bình khảo sát là 2,05, xếp hạng 6. Hay phương pháp “Quản lý mối quan hệ” cũng được CBQL, TT, GV đánh giá là ít hiệu quả với điểm trung bình khảo sát là 2,20, xếp hạng 5.

Từ đó, tác giả nhận thấy, phần lớn các trường đã quản lý khá hiệu quả về tài chính, nhân sự và đào tạo phục vụ cho CDS trong dạy học. Nhưng một số trường học thiếu những mục tiêu rõ ràng trong việc lập kế hoạch cũng như chưa thực hiện hiệu quả việc đo lường và theo dõi tiến độ thực hiện các mục tiêu. Quản lý thay đổi cũng là một khía cạnh quan trọng của quản lý hoạt động CDS. Tuy nhiên, nhiều trường vẫn chưa có sẵn các kế hoạch và biện pháp để quản lý các thay đổi trong quá trình CDS. Bên cạnh đó, quản lý hoạt động CDS trong dạy học đòi hỏi sự hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ giữa các cá nhân và bộ phận trong trường học và giữa các trường học với các cơ quan quản lý giáo dục. Nhưng một số trường

chưa quản lý hiệu quả nội dung trên. Điều này có thể làm giảm tính hiệu quả và hiệu lực của các hoạt động CDS.

5. Khuyến nghị

Từ thực trạng trên, để khắc phục những hạn chế hiện có trong việc quản lý và thúc đẩy hoạt động CDS trong dạy học, trước tiên, việc thiết lập các mục tiêu chiến lược là vô cùng cần thiết. Các trường học cần tiến hành xây dựng một kế hoạch CDS rõ ràng và chi tiết, trong đó xác định các mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn phát triển. Điều này không chỉ giúp định hướng rõ ràng cho mọi hoạt động mà còn đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan, bao gồm GV, HS, phụ huynh và cán bộ quản lý đều tham gia vào quá trình này một cách chủ động, tích cực và trách nhiệm.

Bên cạnh việc thiết lập mục tiêu, cần thiết phải đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ. Việc trang bị đầy đủ máy tính, máy chiếu, hệ thống mạng internet tốc độ cao và các thiết bị giáo dục số hiện đại sẽ tạo ra một môi trường học tập thuận lợi cho cả GV và HS. Khi có đầy đủ công cụ và thiết bị cần thiết, việc áp dụng công nghệ vào giảng dạy sẽ trở nên dễ dàng hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Ngoài ra, một yếu tố quan trọng không kém là việc nâng cao kiến thức và kỹ năng công nghệ cho đội ngũ GV. Các trường cần tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo chuyên sâu, giúp GV sử dụng thành thạo các công cụ và phương

pháp giảng dạy mới. Khi GV có kiến thức và kỹ năng, họ sẽ tự tin hơn trong việc áp dụng công nghệ vào các bài giảng của mình, từ đó nâng cao trải nghiệm học tập cho HS.

Tăng cường sử dụng tài nguyên giáo dục mở. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí giáo dục mà còn góp phần tạo ra môi trường học tập linh hoạt, sáng tạo và công bằng hơn. Để CDS trong dạy học thành công, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa công nghệ, đào tạo GV, và các chính sách hỗ trợ sử dụng tài nguyên mở.

Cùng với đó, việc xây dựng một hệ thống đánh giá thống nhất để đo lường hiệu quả của các hoạt động CDS là rất cần thiết. Thiết lập các chỉ số đánh giá rõ ràng, bao gồm cả chỉ số định lượng và chất lượng, sẽ giúp các trường có cái nhìn tổng quát về tiến độ triển khai CDS. Điều này không chỉ giúp theo dõi sự phát triển của các hoạt động mà còn cung cấp cơ sở để cải thiện liên tục quá trình học tập của HS.

Cuối cùng, tất cả những thực trạng trên đòi hỏi người cán bộ quản lý phải am hiểu bản chất của các phương pháp quản lý. Từ đó, căn cứ tình hình thực tế và điều kiện của đơn vị để lựa chọn, vận dụng các phương pháp quản lý một cách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động CDS trong dạy học tại đơn vị.

6. Kết luận

Thông qua khảo sát và phân tích thực trạng, tác giả nhận thấy, hiện tại việc quản lý hoạt động CDS trong dạy học ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã thể hiện được nhiều mặt mạnh khả quan. Phần lớn các trường THCS ở huyện Bình Chánh đều đặt ra mục tiêu chính là áp dụng công nghệ và CDS để cải thiện chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả giảng

dạy và học tập. Các CBQL và nhà trường cũng đã nhận thức được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch CDS trong dạy học. Đồng thời xác định được những định hướng và mục tiêu cho hoạt động CDS trong dạy học cũng như có sự phân công thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch. Bên cạnh đó các trường cũng đang tích cực triển khai kế hoạch, tổ chức thực hiện CDS trong dạy học theo tinh thần chỉ đạo chung. CBQL, GV và nhân viên ở các trường đã thể hiện sự sẵn sàng và tích cực trong việc áp dụng công nghệ vào quản lý, giảng dạy và học tập. Và phần lớn các trường đã quản lý khá hiệu quả về tài chính, nhân sự và đào tạo phục vụ cho CDS trong dạy học.

Bên cạnh những mặt mạnh, hoạt động CDS trong dạy học ở các trường THCS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng tồn tại một số hạn chế cần quan tâm giải quyết và khắc phục. Nguyên nhân là do các trường chưa nhận được sự hướng dẫn rõ ràng từ các cấp quản lý về việc thiết lập mục tiêu chiến lược và cơ chế đánh giá cho hoạt động CDS; chưa có đủ các nguồn lực, bao gồm tài chính và nhân lực, để thiết lập và duy trì các mục tiêu chiến lược và cơ chế đánh giá. CBQL còn thiếu kinh nghiệm hoặc kỹ năng trong việc lập kế hoạch chi tiết cho CDS. GV chưa được đào tạo đầy đủ về cách sử dụng công nghệ trong giảng dạy. Bên cạnh đó, một số CBQL và GV còn thiếu kỹ năng và nhận thức về việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động CDS. Các trường cũng chưa có đầy đủ các chỉ số rõ ràng và các công cụ hỗ trợ việc đánh giá CDS. Điều này dẫn đến sự khác biệt trong cách thức đánh giá hiệu quả.

Vì thế, các trường cần xây dựng và thực hiện các chiến lược và kế hoạch quản lý hoạt động CDS trong dạy học. Trước

hết là nâng cao hơn nữa nhận thức, tầm quan trọng của CDS; huy động mọi nguồn lực đầu tư vào hạ tầng công nghệ đi đôi với nâng cao năng lực số thông qua tập huấn, đào tạo chuyên sâu về công nghệ cho CBQL, GV, HS; ứng dụng công nghệ để quản lý hoạt động CDS trong dạy học như xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra-đánh giá chất lượng dạy học chính xác, kịp thời hơn.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù đã có những tiến bộ nhất định, việc quản lý hoạt động CDS trong dạy học vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là cần một chiến lược quản lý CDS rõ ràng để huy động tất cả các bên liên quan với nhiều biện pháp quản lý hoạt động CDS trong dạy học ở các trường THCS ở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Anh

- Anderson, T. (2008). *The Theory and Practice of Online Learning*. Athabasca University Press.
- Mishra, P. & Koehler, M. J. (2006). *Technological Pedagogical Content Knowledge: A Framework for Teacher Knowledge*. Teachers College Record, 108(6), 1017-1054.
- Selwyn, N. (2016). *Education and Technology: Key Issues and Debates*. Bloomsbury Publishing.
- Zhao, Y. (2009). *Catching up or leading the way: American education in the age of globalization*. Association for Supervision and Curriculum Development.

Tiếng Việt

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)*.
- Bộ Thông tin và Truyền thông (2022). *Cẩm nang chuyển đổi số*. Nxb Thông tin và Truyền thông.
- Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg về “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- Đỗ Thị Thúy. (2021). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: Thực trạng và hướng phát triển*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Đạt. (2020). *Chuyển đổi số trong giáo dục: Thực trạng và giải pháp*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc. (2015). *Quản lý giáo dục - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Đại học Quốc gia.
- Nguyễn Thị Phú. (2023). *Chuyển đổi số trong quản lý hoạt động dạy học ở nhà trường*. Nxb Viện Nghiên cứu Giáo dục, Đại học sư phạm TP.HCM.
- Phạm Minh Tuấn. (2022). *Giáo dục trực tuyến trong bối cảnh chuyển đổi số: Thực tiễn và thách thức*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục 2019 số 43/2019/QH14*.
- Trần Thị Mai. (2023). *Chuyển đổi số trong giáo dục: Xu hướng và giải pháp cho Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia.

THE CURRENT STATUS OF MANAGEMENT OF DIGITAL TRANSFORMATION ACTIVITIES IN TEACHING IN SECONDARY SCHOOLS IN BINH CHANH DISTRICT, HO CHI MINH CITY

Phan Thi Ngoc Tuyen^{1,2}

¹ Dong Thap University

²Vinh Loc B Secondary School, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City

Email: suoingoc59@gmail.com

(Received: 14/10/2024, Revised: 13/11/2024, Accepted for publication: 11/12/2024)

ABSTRACT

The article clarifies the current status of digital transformation management in teaching and learning at secondary schools in Binh Chanh district, Ho Chi Minh City. By using a combination of theoretical and practical research methods, surveying 300 subjects (55 Principals and Vice Principals, 95 Heads of professional groups, 150 teachers) and interviewing 25 management cadres, who are experienced in school management of 19 secondary schools (public) in the locality, the survey results were processed according to a 4-level scale to calculate the average score, the overall average score and the ranking. The research results show that, although there have been certain positive effects, the management of digital transformation activities in teaching and learning still has many limitations, especially management skills that require a clear digital transformation management strategy to mobilize stakeholders. The research results contribute to the assessment and orientation of digital transformation management activities in teaching at secondary schools in Binh Chanh district, Ho Chi Minh City in the future, aiming to improve the quality of local education.

Keywords: Managing digital transformation of schools, evaluating digital transformation in teaching